

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường thuộc Bộ Xây dựng và Quyết định số 406/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường đã được phê duyệt, thực hiện trong

lĩnh vực xây dựng trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, thực hiện trong lĩnh vực giao thông vận tải trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Quyết định số 406/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

QUY CHẾ**Quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CHƯƠNG I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là nhiệm vụ bảo vệ môi trường) của Bộ Xây dựng, bao gồm: xây dựng kế hoạch; thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ; giao dự toán; ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; tổ chức thực hiện; nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, xác nhận hoàn thành và phổ biến, sử dụng kết quả thực hiện; thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng là những hoạt động được quy định tại Điều 151 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thuộc hạng mục chi được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý) là Bộ Xây dựng.

3. Đơn vị chức năng là các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ được Bộ trưởng giao nhiệm vụ quản lý về chuyên môn đối với các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

4. Cơ quan chủ trì thực hiện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì) là tổ chức có

đủ điều kiện, năng lực được Bộ giao, đặt hàng hoặc lựa chọn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

5. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Bộ.

6. Giao nhiệm vụ là việc xét, giao đơn vị trực thuộc Bộ có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo đặt hàng của Bộ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường mở mới được xây dựng căn cứ vào: Nhiệm vụ được giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao Bộ Xây dựng thực hiện; nhiệm vụ trong chiến lược phát triển, quy hoạch ngành hoặc lĩnh vực; nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch 05 năm, 03 năm và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ; tính cấp thiết của nhiệm vụ và khả năng cân đối của nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, công khai.

2. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được tổng hợp trong kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước của năm kế hoạch gửi các cơ quan nhà nước theo quy định mới đủ điều kiện giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra được thực hiện định kỳ và đột xuất nhằm đôn đốc tiến độ thực hiện, đánh giá sơ bộ chất lượng, nội dung thực hiện và đề xuất các biện pháp xử lý.

4. Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải tự kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu chất lượng, khối lượng, sản phẩm và xác định giá trị đề nghị thanh toán của từng hạng mục công việc của nhiệm vụ do đơn vị mình thực hiện; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và quy định của pháp luật về kết quả thực hiện.

5. Công tác nghiệm thu kết quả thực hiện được tiến hành khi nhiệm vụ được hoàn thành và có đủ hồ sơ trình Bộ theo quy định; giao nộp sản phẩm hoàn thành theo quy định của Quy chế này.

6. Hình thức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

a) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường không thuộc quy định tại điểm a khoản 6 Điều này (là các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) thực hiện theo hình thức tuyển chọn, giao nhiệm vụ và ký hợp đồng.

7. Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường đặc thù có tính chất thường xuyên phục vụ công tác quản lý môi trường của Bộ như: công tác xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng; tham gia các hội thảo, hội nghị; hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường và các hoạt động khác về bảo vệ môi trường liên quan tới công tác quản lý của Bộ Xây dựng.

Giao Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có) tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt quyết định phê duyệt nhiệm vụ. Sau khi nhiệm vụ được Bộ phê duyệt và bố trí kinh phí thực hiện, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có) tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán nhiệm vụ theo khối lượng thực hiện, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 4. Yêu cầu đối với cơ quan chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Yêu cầu đối với cơ quan chủ trì

Các cơ quan, đơn vị có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ có quyền đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ cơ quan chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ trước đây;

b) Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có sai phạm dẫn đến bị dừng thực hiện nhiệm vụ trong vòng năm (05) năm tính từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Có trình độ đại học trở lên;
- Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực liên quan với nhiệm vụ;
- Là người chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề cương, dự toán nhiệm vụ;
- Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

b) Cá nhân không đủ điều kiện giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- Nhiệm vụ bảo vệ môi trường do cá nhân làm chủ nhiệm nhiệm vụ được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá ở mức “không đạt” chưa đủ thời hạn 02 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ.

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm từ 03 nhiệm vụ trở lên thuộc các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Điều 5. Đăng ký nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao Bộ Xây dựng thực hiện, các chiến lược, định hướng, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ; Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu bản hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của Bộ cho năm kế hoạch, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực xem xét ký văn bản hoặc ủy quyền cho Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng ký văn bản gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để đăng ký nhiệm vụ bảo vệ môi trường, đồng thời gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Cơ quan, đơn vị căn cứ vào các chương trình, kế hoạch, yêu cầu phục vụ công tác bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Xây dựng để xây dựng đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3. Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được gửi về cơ quan quản lý đúng thời hạn yêu cầu theo văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng bao gồm:

a) Văn bản đăng ký của cơ quan, đơn vị theo **Mẫu số 01 - ĐĐKNV** kèm theo Quy chế này;

b) Hồ sơ năng lực của cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì, Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên tham gia chính, Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tương ứng theo **Mẫu số 02 - HSNL** (trong trường hợp có đơn vị phối hợp thực hiện), **Mẫu số 03 - LLKH**, **Mẫu số 04 - GXNPH** ban hành kèm theo Quy chế này;

c) Đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo **Mẫu số 05 - ĐCDTNV** kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Cơ quan quản lý chỉ xem xét việc thẩm định đối với các nhiệm vụ gửi đúng thời hạn và đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

2. Việc thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường được thực hiện thông qua hình thức Hội đồng thẩm định và Tổ thẩm định.

3. Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường

a) Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có trách nhiệm

tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo **Mẫu số 06 - QĐHĐTĐNV** kèm theo Quy chế này, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu cần thiết) và một (01) Ủy viên thư ký là công chức Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; hai (02) Ủy viên phản biện và các Ủy viên là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

b) Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường có nhiệm vụ tư vấn, thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện năm kế hoạch bao gồm các nội dung: Xác định tên nhiệm vụ, cơ sở pháp lý và sự cần thiết, mục tiêu, nội dung thực hiện, sản phẩm, thời gian, khả năng và địa chỉ ứng dụng; tư vấn thẩm định dự toán kinh phí (sự phù hợp của các nội dung dự toán kinh phí so với đề cương, sự phù hợp số lượng, nội dung các chuyên đề/báo cáo, sự phù hợp kinh phí đề xuất với nội dung sản phẩm dự kiến đạt được); kiến nghị đề cương, dự toán kinh phí nhiệm vụ bảo vệ môi trường có đáp ứng được yêu cầu để thực hiện hay cần bổ sung, điều chỉnh.

c) Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về ý kiến tư vấn, kiến nghị của mình.

- Hội đồng có thể họp bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trong trường hợp đặc biệt (sự cố về thiên tai, dịch bệnh, nhiệm vụ đột xuất,...) có thể xin ý kiến bằng phiếu đánh giá. Hình thức họp do Chủ tịch Hội đồng quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

- Thư ký Hội đồng gửi đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường đến các thành viên Hội đồng trước ngày họp Hội đồng ít nhất ba (03) ngày làm việc.

- Phiên họp chính thức của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có sự tham gia (có mặt trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) của chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện có thẩm quyền của cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì và từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên theo Quyết định thành lập Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt), Ủy viên thư ký, ít nhất một (01) Ủy viên phản biện. Ý kiến của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo.

- Hội đồng đánh giá, cho điểm, xếp loại theo các **Mẫu số 07 - PDGĐCDT** kèm theo Quy chế này. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường được đánh giá theo thang điểm 100; cơ quan, cá nhân được Hội đồng đề nghị chủ trì, chủ nhiệm là cơ quan, cá nhân có hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt tối thiểu 70/100 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Trường hợp đối với cùng một nhiệm vụ bảo vệ môi trường có từ hai (02) cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì thực hiện thì lựa chọn cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ có hồ sơ được Hội đồng đánh giá, cho điểm cao nhất.

- Hội đồng thảo luận thống nhất kiến nghị: Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong đề cương nhiệm vụ và các sản phẩm chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; những điểm cần lưu ý để cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ.

- Biên bản họp Hội đồng được lập theo **Mẫu số 08-BBHĐĐCDT** kèm theo Quy chế này.

4. Căn cứ biên bản họp của Hội đồng, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng thông báo cho cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ được Hội đồng đề nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện đề cương, dự toán kinh phí nhiệm vụ.

a) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường được thống nhất đề xuất thực hiện năm kế hoạch, cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng và gửi về Bộ Xây dựng trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng.

b) Hồ sơ sau hoàn thiện bao gồm: Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa nội dung đề cương, dự toán kinh phí thực hiện đáp ứng các ý kiến của Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường (đã được xác nhận của lãnh đạo cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì thực hiện nhiệm vụ) và đề cương, dự toán kinh phí nhiệm vụ đã được hoàn thiện.

5. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Tổ thẩm định)

a) Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có trách nhiệm tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ bảo vệ môi trường cùng với Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo **Mẫu số 06 - QĐHĐTĐNV** kèm theo Quy chế này, bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; một (01) Tổ phó là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính, một (01) Thư ký và ít nhất một (01) thành viên là thành viên của Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

b) Nguyên tắc hoạt động của Tổ thẩm định

- Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về ý kiến tư vấn, kiến nghị của mình.

- Tổ thẩm định có thể họp bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Hình thức họp do Tổ trưởng Tổ thẩm định quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

- Phiên họp của Tổ thẩm định chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất ba phần tư (3/4) thành viên Tổ thẩm định theo Quyết định thành lập, trong đó phải có thành viên là Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ thẩm định (trong trường hợp được Tổ trưởng ủy quyền khi vắng mặt).

- Kết thúc phiên họp, Tổ thẩm định có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo **Mẫu số 09 - BCKQTĐDT** kèm theo Quy chế này.

6. Trong vòng ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được Báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Tổ thẩm định, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng rà soát, tổng hợp gửi cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ để điều chỉnh, hoàn thiện (nếu có) và gửi lại Bộ Xây dựng trong vòng năm (05) ngày làm việc. Trường hợp quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện về Bộ Xây dựng thì sẽ dừng đề xuất thực hiện nhiệm vụ.

7. Trên cơ sở đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì hoàn thiện; Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng rà soát, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt đề cương, dự toán các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trước ngày 10 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch theo **Mẫu số 10 - QĐPDNV** kèm theo Quy chế này.

8. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ mở mới để thực hiện nhiệm vụ cấp bách theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định.

Điều 7. Tổng hợp dự toán ngân sách năm

1. Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường chuyển tiếp, căn cứ vào tiến độ triển khai và phân kỳ kinh phí thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì đề xuất dự toán ngân sách nhà nước năm tiếp theo cho nhiệm vụ nhưng tổng dự toán lũy kế đến thời điểm năm kế hoạch không được vượt dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có trách nhiệm tổng hợp danh mục các nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm kế hoạch đã được phê duyệt để:

a) Trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ công tác xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng.

b) Gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, lập dự toán ngân sách năm kế hoạch, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Tài chính theo tiến độ quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Mục 2

PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân bổ, giao dự toán ngân sách

1. Căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách

a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính giao dự toán ngân sách nhà nước cho Bộ Xây dựng.

b) Danh mục các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện năm kế hoạch được

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho Bộ Xây dựng (nếu có).

2. Trách nhiệm của Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng

a) Căn cứ khoản 1 Điều này, rà soát lập Danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện năm kế hoạch theo **Mẫu số 11 - QĐPDDMN**V kèm theo Quy chế này và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt trước thời điểm Bộ Xây dựng giao dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Rà soát, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt điều chỉnh (nếu có) đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm kế hoạch tại điểm a khoản 2 Điều này trước ngày 28 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

3. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

Căn cứ Danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện năm kế hoạch và Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường nêu tại khoản 2 Điều này, tham mưu Quyết định giao dự toán ngân sách cho cơ quan chủ trì và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt bảo đảm hoàn thành việc giao dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Trên cơ sở đề cương, dự toán nhiệm vụ và kế hoạch phân bổ ngân sách đã được phê duyệt, Bộ trưởng giao:

a) Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng là người đại diện bên A ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ.

b) Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Lãnh đạo Văn phòng Bộ là đại diện bên A, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường với các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ có kinh phí cấp qua tài khoản Văn phòng Bộ (trừ các nhiệm vụ Bộ giao Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện).

2. Việc ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ phải hoàn thành sau khi Bộ Tài chính thẩm định kế hoạch phân bổ ngân sách của Bộ. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo **Mẫu số 12 - HĐNVMTN** và **Mẫu số 13 - HĐNVMTT** kèm theo Quy chế này.

3. Trong trường hợp cần thiết, đối với phần công việc mà cơ quan chủ trì thực hiện không đủ chuyên môn và điều kiện thực hiện nhưng không vượt quá 50% dự toán được phê duyệt, cơ quan chủ trì thực hiện được quyền lựa chọn đơn vị có chuyên môn phù hợp và ký hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 10. Triển khai, kiểm tra, điều chỉnh, dừng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Triển khai, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo đúng nội dung, tiến độ và dự toán đã được phê duyệt.

- Báo cáo bằng văn bản tình hình thực hiện nhiệm vụ gửi về Bộ Xây dựng (thông qua Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) theo tiến độ được phê duyệt. Báo cáo theo **Mẫu số 14 - BCNVBVM**T kèm theo Quy chế này.

b) Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, các chuyên gia tư vấn (nếu cần) tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường về nội dung, tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí theo tiến độ được phê duyệt. Mẫu biên bản hợp kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ theo **Mẫu số 15 - BBKTTĐ** kèm theo Quy chế này.

2. Điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, trường hợp có thay đổi nội dung, dự toán so với Quyết định đã được phê duyệt, cơ quan chủ trì phải báo cáo bằng văn bản kèm theo Phiếu đề xuất thay đổi, điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo **Mẫu số 16 - PĐXTĐ** kèm theo Quy chế này và giải trình rõ lý do gửi cơ quan quản lý để xem xét, quyết định. Cơ quan chủ trì chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi, điều chỉnh sau khi nhận được ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý.

b) Trường hợp điều chỉnh nhiệm vụ nhưng không vượt dự toán đã phê duyệt, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu Lãnh đạo Bộ xử lý đối với các đề xuất thay đổi, điều chỉnh nội dung, tiến độ, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường của cơ quan chủ trì trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

c) Trường hợp điều chỉnh nhiệm vụ nhưng dự toán vượt dự toán đã được Bộ phê duyệt, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu, tổ chức thực hiện thẩm định kinh phí theo quy định tại Điều 6, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.

d) Đối với các trường hợp điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường dẫn đến việc thay đổi dự toán chi ngân sách; sau khi được Bộ chấp thuận bằng văn bản, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng gửi thông báo bằng văn bản đến Vụ Kế hoạch - Tài chính để tham mưu Bộ điều chỉnh chi ngân sách theo quy định.

3. Dừng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

a) Trường hợp không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường do yếu tố khách quan, bất khả kháng hoặc do yếu tố chủ quan, cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo rõ lý do, nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan và đề xuất phương án xử lý trình Bộ xem xét, quyết định dừng thực hiện.

Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ để làm cơ sở thanh, quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm: báo cáo quá trình triển khai nhiệm vụ bảo vệ môi trường và nguyên nhân của việc nhiệm vụ bảo vệ môi trường

bị dừng thực hiện; biên bản kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện; báo cáo quyết toán kinh phí phần khối lượng đã thực hiện kèm hồ sơ và chứng từ thanh toán có liên quan.

b) Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu, báo cáo Lãnh đạo Bộ việc dừng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của cơ quan chủ trì trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu Lãnh đạo Bộ quyết định việc thu hồi kinh phí; chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

Mục 3

NGHIỆM THU, GIAO NỘP SẢN PHẨM, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH VÀ PHỔ BIẾN, ÁP DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Điều 11. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả tự đánh giá.

Điều 12. Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện cấp Bộ

1. Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường về Bộ Xây dựng (thông qua Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) trước ít nhất mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định phê duyệt, Hợp đồng đã ký hoặc văn bản điều chỉnh gia hạn thực hiện (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ môi trường ở cấp Bộ bao gồm:

a) Công văn đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường của cơ quan chủ trì;

b) Một (01) bộ phôi tô hoặc bản chụp: Phiếu đánh giá và ý kiến nhận xét của các thành viên tham gia đánh giá; biên bản họp đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; báo cáo tiếp thu giải trình của chủ nhiệm nhiệm vụ đối với các yêu cầu tại Biên bản đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; và các văn bản có liên quan;

c) Báo cáo tổng kết nhiệm vụ (có trang phụ bì theo **Mẫu số 17 - PBBCTK** kèm theo Quy chế này); Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ và các sản phẩm theo nội dung nhiệm vụ đã được phê duyệt. Số lượng tài liệu bằng số lượng thành viên Hội đồng.

3. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ không đủ, không đúng quy định, trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có văn bản thông báo cho cơ quan chủ trì

phải hoàn thiện hồ sơ gửi về Bộ theo yêu cầu.

b) Đối với hồ sơ hợp lệ, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ do Bộ Xây dựng quyết định thành lập theo **Mẫu số 18 - QĐHĐNT** kèm theo Quy chế này, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng và một (01) Ủy viên thư ký là công chức Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; hai (02) Ủy viên phản biện và các Ủy viên là đại diện các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện ở cấp Bộ được thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ.

5. Nội dung đánh giá ở cấp Bộ

Nội dung đánh giá ở cấp Bộ theo khối lượng, yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Hợp đồng đã ký giữa đại diện cơ quan quản lý với cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Trong đó bao gồm các tiêu chí: Số lượng của các sản phẩm; chất lượng của các sản phẩm; tiến độ thực hiện; mức độ hoàn thành mục tiêu của nhiệm vụ.

6. Hoạt động của Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan thành lập Hội đồng về ý kiến tư vấn, kiến nghị của mình;

b) Tài liệu phục vụ họp Hội đồng gồm: Các hồ sơ quy định tại điểm c khoản 3 Điều này; Bản nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo **Mẫu số 19 - BNXNT** và Phiếu đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo **Mẫu số 20 - PDGNT** kèm theo Quy chế này;

c) Hội đồng có thể họp bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trong trường hợp đặc biệt (sự cố về thiên tai, dịch bệnh, nhiệm vụ đột xuất,...) có thể xin ý kiến bằng phiếu đánh giá. Hình thức họp do Chủ tịch Hội đồng quyết định phù hợp với tình hình thực tế;

d) Phiên họp chính thức của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có sự tham gia (có mặt trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) của chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện có thẩm quyền của cơ quan chủ trì và từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên theo Quyết định thành lập Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt), Ủy viên thư ký, ít nhất một (01) Ủy viên phản biện. Ý kiến của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo;

đ) Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết Phiếu đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo **Mẫu số 20 - PDGNTCB** kèm theo Quy chế này;

e) Ủy viên thư ký có trách nhiệm lập biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ theo **Mẫu số 21 - BBNT** kèm theo Quy chế này;

g) Hội đồng xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo các mức sau đây:

- Dưới 20 điểm: **Không đạt**;
- Từ 20 điểm đến dưới 26 điểm: **Đạt** - Xếp loại trung bình;
- Từ 26 điểm đến dưới 35 điểm: **Đạt** - Xếp loại khá;
- Từ 35 điểm đến 40 điểm: **Đạt** - Xếp loại xuất sắc (Khi cơ quan chủ trì nộp đúng hạn hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ).

7. Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường được xếp loại ở mức Đạt:

a) Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày họp nghiệm thu, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tổng hợp và thông báo kết quả nghiệm thu cho cơ quan chủ trì;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày họp nghiệm thu, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo thông báo kết quả nghiệm thu và nộp hồ sơ sau khi hoàn thiện về cơ quan quản lý. Hồ sơ sau khi hoàn thiện bao gồm: Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa đáp ứng các ý kiến của Hội đồng (đã được xác nhận của lãnh đạo cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ); Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện và các sản phẩm kèm theo có chữ ký của chủ nhiệm nhiệm vụ và xác nhận của lãnh đạo cơ quan chủ trì.

8. Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường xếp loại ở mức Không đạt:

a) Hội đồng nghiệm thu có kiến nghị gia hạn, cơ quan chủ trì phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ (kèm theo hồ sơ, biên bản nghiệm thu cấp Bộ và phương án xử lý) trình Bộ;

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian để hoàn thiện nhiệm vụ nhưng không quá sáu (06) tháng, toàn bộ chi phí phát sinh để thực hiện nhiệm vụ do cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chi trả;

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị gia hạn của cơ quan chủ trì, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu Bộ xem xét chấp thuận việc gia hạn đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

d) Việc nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường sau khi đã được gia hạn thời gian thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ.

Trường hợp nghiệm thu lần thứ 2 mà vẫn “Không đạt” thì sẽ đình chỉ việc

thực hiện nhiệm vụ và chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Quy chế này, đồng thời Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải trả lại nhà nước theo quy định hiện hành.

đ) Đối với các trường hợp còn lại, cơ quan quản lý tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện và thu hồi kinh phí.

Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham mưu Lãnh đạo Bộ triển khai việc thu hồi kinh phí; mức thu hồi kinh phí được căn cứ vào biên bản kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện giữa Bộ Xây dựng và cơ quan chủ trì.

Điều 13. Giao nộp sản phẩm, xác nhận hoàn thành, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Các sản phẩm hình thành theo Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ sau khi được nghiệm thu, hoàn thiện phải nộp về Bộ Xây dựng theo yêu cầu, trong đó bao gồm: Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các sản phẩm, hồ sơ, tài liệu liên quan. Đơn vị nhận hồ sơ giao nộp như sau:

a) Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng: Lưu một (01) bản in và một (01) bản điện tử báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các sản phẩm, hồ sơ, tài liệu liên quan.

b) Các Cục/Vụ chuyên môn theo chức năng có liên quan đến nội dung thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường: Lưu bản điện tử bộ hồ sơ như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Xác nhận hoàn thành nhiệm vụ

Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường được xếp loại ở mức Đạt theo quy định tại khoản 7 Điều 12 của Quy chế này, trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng có trách nhiệm rà soát việc hoàn thiện sản phẩm của cơ quan chủ trì.

a) Trường hợp sản phẩm đạt yêu cầu, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng xác nhận hoàn thành nhiệm vụ môi trường theo **Mẫu số 22 - XNHTNV** kèm theo Quy chế này;

b) Trường hợp sản phẩm chưa đạt yêu cầu, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng thông báo bằng văn bản để cơ quan chủ trì tiếp tục hoàn thiện.

3. Kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ bảo vệ môi trường sau khi được nghiệm thu, giao nộp và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ sẽ được phổ biến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và triển khai áp dụng tới các đơn vị liên quan theo quy định.

Mục 4**THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ****Điều 14. Thanh lý hợp đồng**

Thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả nghiệm thu cấp Bộ và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ của Bộ, giao nộp sản phẩm theo quy định và trong thời gian không quá ba (03) tháng kể từ ngày Hợp đồng hết thời hạn. Biên bản thanh lý theo **Mẫu số 23 - TLHD** kèm theo Quy chế này.

Điều 15. Quyết toán kinh phí

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được thanh quyết toán trong niên độ ngân sách theo quy định hiện hành. Khối lượng công việc và kinh phí đợt cuối của hợp đồng được thanh quyết toán sau khi nhiệm vụ được Bộ nghiệm thu và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ (đối với các nhiệm vụ kinh phí cấp qua tài khoản Văn phòng Bộ).

2. Đối với nhiệm vụ thực hiện nhiều năm, khi kết thúc cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp lũy kế quyết toán từ đầu năm thực hiện đến năm hoàn thành, báo cáo và thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành. Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của nhiệm vụ hoàn thành theo **Mẫu số 24 - BCQTTC** và Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoàn thành theo **Mẫu số 25 - BCTHSDKP** kèm theo Quy chế này.

Chương III**TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN****Điều 16. Trách nhiệm của Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng**

1. Thống nhất quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng.

2. Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra các nội dung công việc của Quy chế này.

3. Đầu mỗi tổng hợp, rà soát danh mục và theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Xây dựng quản lý.

4. Chủ trì thảo luận kế hoạch nhiệm vụ bảo vệ môi trường hàng năm với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan.

5. Chủ trì, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

6. Thừa lệnh Bộ trưởng chủ trì ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với cơ quan chủ trì thuộc Bộ; phối hợp với Văn phòng Bộ ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với các nhiệm vụ kinh phí cấp qua tài khoản Văn phòng Bộ.

7. Được quyền yêu cầu các cơ quan chủ trì, các Cục/Vụ chuyên môn và các đơn vị liên quan báo cáo và cung cấp các thông tin, số liệu để tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ, báo cáo Lãnh đạo Bộ và các cơ quan Nhà nước theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Đầu mỗi tổng hợp danh mục, kinh phí, lập kế hoạch dự toán ngân sách, phân bổ kinh phí, giao dự toán và theo dõi tình hình phân bổ, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Xây dựng quản lý.

2. Chủ trì thẩm định báo cáo quyết toán đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoàn thành của đơn vị dự toán cấp II và kiểm tra xét duyệt quyết toán đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoàn thành của đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Bộ.

3. Chủ trì tham mưu phương án xử lý tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của nhiệm vụ bảo vệ môi trường (nếu có).

4. Được quyền yêu cầu các cơ quan chủ trì, các đơn vị chức năng liên quan báo cáo và cung cấp các thông tin, số liệu để tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ, báo cáo Lãnh đạo Bộ và các cơ quan Nhà nước theo quy định.

5. Phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng kiểm tra định kỳ, đột xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

6. Cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng

Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về nội dung chuyên môn và phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc về tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực chuyên môn được phân công, cụ thể như sau:

1. Chủ động đề xuất, đăng ký nhiệm vụ đáp ứng với yêu cầu quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Cử cán bộ phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tham gia các Hội đồng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được phân công. Trong một số trường hợp nhiệm vụ quan trọng, phức tạp cần cho ý kiến thống nhất trước khi đưa ra Hội đồng cấp Bộ.

3. Phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng kiểm tra nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý chuyên môn theo quy định.

4. Kiến nghị tạm dừng thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp đánh giá nội dung chuyên môn, tiến độ không đảm bảo để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi khắc phục các công việc đã thực hiện đảm bảo chất lượng chuyên môn.

5. Chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng tổ chức phổ biến áp dụng các kết quả thực hiện của nhiệm vụ vào thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị (nếu cần).

6. Được quyền yêu cầu các cơ quan chủ trì, các đơn vị liên quan báo cáo và cung cấp các thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý theo nhiệm vụ được phân công.

Điều 19. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

1. Phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường với các cơ quan chủ trì, theo dõi chặt chẽ dự toán và thanh quyết toán tài chính các nhiệm vụ kinh phí cấp qua tài khoản Văn phòng Bộ.

2. Đối với các cơ quan chủ trì thuộc khối cơ quan Bộ thì Văn phòng Bộ lưu hồ sơ, chứng từ gốc, sản phẩm các nhiệm vụ (cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ cũng lưu sản phẩm nhiệm vụ). Đối với các cơ quan chủ trì ngoài khối cơ quan Bộ ký hợp đồng qua tài khoản Văn phòng Bộ thì cơ quan chủ trì có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ gốc, các sản phẩm của nhiệm vụ tại cơ quan mình.

Điều 20. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin

1. Đăng tải văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của Bộ gửi các cơ quan, đơn vị đăng ký nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Công bố, phổ biến kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Thực hiện các nội dung của nhiệm vụ theo đề cương, dự toán được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

3. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

4. Có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ gốc, sản phẩm của nhiệm vụ... (đối với các cơ quan chủ trì không phải là đơn vị chức năng sử dụng tài khoản qua Văn phòng Bộ). Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ thanh toán cũng như nội dung chuyên môn của nhiệm vụ.

5. Chịu sự giám sát, kiểm tra, kiểm soát của Bộ và các cơ quan chức năng được phân công về việc thực hiện nhiệm vụ.

6. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Bộ Xây dựng về hiệu quả sử dụng kinh phí và kết quả thực hiện.

7. Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu

xây dựng chuyển các tài liệu họp Hội đồng tới các thành viên Hội đồng trước khi tổ chức họp ít nhất ba (03) ngày làm việc.

8. Nộp và cung cấp sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ cho các đơn vị theo quy định.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Xây dựng để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐỀ
XUẤT CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP BỘ
NĂM 20...**

Kính gửi: Bộ Xây dựng (Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD).

Căn cứ Công văn số...../BXD-KHCNMT&VLXD ngày...tháng...năm
....của Bộ Xây dựng về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước
năm ...từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (BVMT), chúng tôi:

a)

(Tên, địa chỉ của cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ BVMT)

b)

(Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ BVMT:

Hồ sơ gồm có:

(1) Đề cương, dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo
mẫu quy định tại Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

(2) Hồ sơ năng lực của cơ quan chủ trì thực hiện;

(3) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm, thư ký và các thành
viên chính thực hiện có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự ;

(4) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của tổ chức tham gia phối hợp
thực hiện nhiệm vụ BVMT;

Chúng tôi xin cam kết những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này
là đúng sự thật và đảm bảo các yêu cầu được quy định tại Điều 4 của Quy chế
quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường
của Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng
năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Nếu phát hiện hồ sơ kê khai không đúng sự
thật chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ BVMT**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐĂNG
KÝ ĐỀ XUẤT CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA ...(tên cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì)...

I. Thông tin chung:

1.1. Giới thiệu về cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì:

(Tóm tắt về lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, nhân sự...)

1.2. Thông tin cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì:

- Tên cơ quan:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... ; Fax:
- Vốn điều lệ:
- Đại diện:

1.3. Ngành nghề hoạt động kinh doanh:

(Quyết định thành lập, giấy phép kinh doanh,...)

II. Kinh nghiệm, năng lực của cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì:

(Mô tả về năng lực, kinh nghiệm, các hợp đồng đã thực hiện của đơn vị có liên quan tới nhiệm vụ đăng ký chủ trì, danh mục thiết bị,...)

....., ngày tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐỀ XUẤT CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:

7

7

1. Thông tin cá nhân				
- Họ và tên:				
- Ngày/tháng/năm sinh:/...../..... ; Nam/Nữ:				
- Học hàm:		Năm được phong học hàm:		
- Học vị:		Năm đạt học vị:		
- Chức vụ:				
- Điện thoại:		Cơ quan:		Di động:
- Fax:		E-mail:		
2. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký:				
Tên tổ chức :				
Tên người Lãnh đạo:				
Điện thoại người Lãnh đạo:				
Địa chỉ tổ chức:				
3. Quá trình đào tạo				
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	
Đại học				
Thạc sỹ				
Tiến sỹ				
Thực tập sinh khoa học				
4. Quá trình công tác				
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	
5. Kinh nghiệm liên quan				
(liệt kê kinh nghiệm đã tham gia các nhiệm vụ, dự án, công trình liên quan đến lĩnh vực đăng ký trong 05 năm gần nhất)				
TT	Tên nhiệm vụ, dự án, công trình	Chủ trì/tham gia	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

6. Giải thưởng, bằng khen, thành tựu

(liên quan đến lĩnh vực nhiệm vụ đăng ký - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA
THÀNH VIÊN CHÍNH)**
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THÀNH VIÊN CHÍNH)**
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

1. Tên nhiệm vụ đăng ký thực hiện:

.....
 .

2. Cơ quan và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ

- Tên cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp:

....

Địa chỉ

.....

Điện thoại

.....

4. Nội dung công việc tham gia:

Chúng tôi nhất trí phối hợp với (... đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ...) thực hiện nội dung (...ghi cụ thể theo đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường đăng ký) với kinh phí tương ứng là (Bằng chữ:).

Khi nhiệm vụ được phê duyệt hoặc ký Hợp đồng, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Bộ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ bảo vệ môi trường./.

....., ngàytháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ		
2. Quản lý nhiệm vụ		
2.1. Cơ quan quản lý		
Tên cơ quan quản lý: Bộ Xây dựng		
Địa chỉ:		
2.2 . Cơ quan chủ trì		
Tên cơ quan:		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ:		
Họ và tên thủ trưởng cơ quan:		
Số tài khoản:		
Ngân hàng:		
2.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ		
Họ và tên:		
Học hàm/Học vị:		
Chức vụ:		
Điện thoại:		
Cơ quan:		Nhà riêng:
Mobile:	Fax:	E-mail:
Tên cơ quan đang công tác:		
Địa chỉ cơ quan:		
Địa chỉ nhà riêng:		
2.4. Tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện		
TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ
1		
2		

...		
3. Thời gian thực hiện		
Từ tháng .../20... đến tháng .../20...		
4. Kinh phí thực hiện		
Tổng kinh phí: ... triệu đồng, trong đó:		
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)	
- Từ ngân sách nhà nước		
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì		
- Từ nguồn khác		
5. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện		
5.1. Căn cứ pháp lý (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)		
5.2. Sự cần thiết phải thực hiện (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước; thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ,...)		
6. Mục tiêu		
7. Phạm vi, quy mô		
8. Địa điểm thực hiện		
9. Phương pháp thực hiện		

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

10. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, nêu bật những nội dung mới để giải quyết vấn đề đặt ra, thống kê chi tiết nhân lực thực hiện từng hạng mục nội dung,...)				
11. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 10)				
TT	Nội dung (Phần công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1.	Lập nhiệm vụ			
2.	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 10)			
...	...			
...				

12. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng		
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng
1		
2		
3		
...		

CHI TIẾT NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Ghi chú:

(1) Khi lập Đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường, cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì thay cụm từ “nhiệm vụ” bằng “dự án”, “đề án”, ... trong **Mẫu số 05 - ĐCDTNV** cho phù hợp với khoản 1 Điều 1 của Quy chế này.

(2) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/ thông số/ yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.

(3) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Bộ Xây dựng chỉ phê duyệt chi tiết dự toán đối với nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ quản lý).

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện năm 20...****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG***Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngày/...../2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;**Căn cứ**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện năm 20... bao gồm các thành viên có tên tại **Phụ lục** kèm theo.**Điều 2.** Hội đồng và Tổ thẩm định có nhiệm vụ xem xét, đánh giá và thẩm định nội dung, kinh phí các hồ sơ nhiệm vụ bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện năm 20... theo quy định hiện hành.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng và Tổ thẩm định giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN VÀ TỔ
THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 20...**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 20.... của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Tên nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

I. Danh sách Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên	Học hàm, học vị	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh
1				Chủ tịch Hội đồng
2				Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)
3				Ủy viên thư ký
4				Ủy viên phản biện
5				Ủy viên phản biện
6				Ủy viên
7				Ủy viên
...				Ủy viên

II. Danh sách Tổ thẩm định kinh phí

TT	Họ tên	Học hàm, học vị	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh
1			..., Vụ KHCNMT & VLXD	Tổ trưởng Tổ thẩm định
2			..., Vụ Kế hoạch - Tài chính	Tổ phó Tổ thẩm định
3				Thành viên
4				Thành viên
...				Thành viên

BỘ XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ
CƯƠNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN
NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ... NĂM 20...**

1. Tên nhiệm vụ:	
2. Tên cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm:	
<i>Tên cơ quan:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân chủ nhiệm:</i>	

3. Đánh giá

Nhóm tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Nhận xét
3.1. Tính cấp thiết, tính mới của nhiệm vụ; khả năng không trùng lặp của nhiệm vụ đề xuất với các nhiệm vụ đã và đang thực hiện	/10	
3.2. Mục tiêu nhiệm vụ	/05	
3.3. Phương pháp thực hiện	/05	
3.4. Nội dung thực hiện và sự phù hợp mục tiêu	/20	
3.5. Sự phù hợp của số lượng, nội dung các chuyên đề/báo cáo	/10	
3.6. Kế hoạch và tiến độ thực hiện	/05	
3.7. Kinh phí đề xuất phù hợp với nội dung, mục tiêu và sản phẩm cần đạt được	/10	
3.8. Sản phẩm và khả năng ứng dụng của sản phẩm	/15	
3.9. Đóng góp vào chính sách...	/05	
3.10. Sự phù hợp của cá nhân chủ nhiệm và các thành viên/chuyên gia đề xuất tham gia	/05	
3.11. Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của cá nhân chủ nhiệm và cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì	/10	
Tổng điểm	/100	

III. Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

- ☐ 1. Đề nghị thực hiện.
- ☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ 3. Không thực hiện.

(Hồ sơ được đề xuất thực hiện là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị cụ thể (bắt buộc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày...tháng...năm 20...

(Thành viên Hội đồng đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08 - BBHĐĐCĐT

**BỘ XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THUYẾT
MINH ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BVMT
NĂM 20....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

Số: /BB-HĐTĐĐCĐT

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 20...**

I. Thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: số/QĐ-BXD ngày/...../20... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Địa điểm và thời gian họp:, bắt đầu từ ... giờ.... phút ngày/.... /20...

3. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/..... người, gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1			
2			
...			

(Số thành viên tham dự họp phải trên 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng mới đủ điều kiện họp).

Số thành viên Hội đồng vắng mặtngười, gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ

4. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

5. Danh mục cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì thực hiện và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ:

TT	Tên cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì thực hiện	Tên cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ
1		
2		
...		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe:

1.1. Ông/Bà, Thư ký Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ: "... ghi rõ tên nhiệm vụ...".

1.2. Ông/Bà, Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi làm việc

1.3. Đại diện cho các đơn vị (nếu có) trình bày tóm tắt nội dung nhiệm vụ đề xuất thực hiện năm 20....

2. Ý kiến của Hội đồng:

Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi, trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan đến đề cương, dự toán, năng lực của cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì và các nhân chủ nhiệm (các ý kiến được tổng hợp trong Biểu tổng hợp kèm theo).

Hội đồng thông qua Biên bản làm việc. Cuộc họp kết thúc lúc ... giờ ... phút ngày tháng ... năm 20... ./.

Thư ký Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

**TỔ THẨM ĐỊNH
DỰ TOÁN NHIỆM VỤ
BVMT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20..

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường

1. Tên nhiệm vụ:
2. Cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ:
3. Mục tiêu nhiệm vụ:
4. Các phương pháp thực hiện:
5. Nội dung cơ bản của nhiệm vụ:
6. Sản phẩm nhiệm vụ:
7. Thời gian, tiến độ thực hiện:
8. Kinh phí cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ đề xuất:
9. Nội dung khác (nếu có)

Sau khi xem xét tài liệu nhiệm vụ...kèm theo công văn số ngày tháng ... năm 20... của (cơ quan đăng ký đề xuất chủ trì nhiệm vụ); Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trườngnhư sau:

I. Căn cứ pháp lý để thẩm định

.....

II. Kết quả thẩm định:

- Thuyết minh chênh lệch:
- Các ý khác (nếu có):

THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH

TỔ TRƯỞNG TỔ THẨM ĐỊNH

TỔ PHÓ TỔ THẨM ĐỊNH

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BXD

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường**
“tên nhiệm vụ BVMT”**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG***Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;**Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;**Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại Biên bản họp ngày .../.../20...**Căn cứ kết quả họp Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường “....” ngày ...tháng ...năm 20....;**Xét nội dung đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường “.....” kèm theo Công văn số ngày của (tên cơ quan đề xuất chủ trì nhiệm vụ);**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường “...” do (tên cơ quan đề xuất chủ trì nhiệm vụ) chủ trì thực hiện với các nội dung chính như sau:**1. Nội dung thực hiện**

.....

2. Thời gian thực hiện

.....

3. Kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ

.....

4. Kinh phí và nguồn vốn:

.....

Chi tiết đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ tại **Phụ lục**,... kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ bảo vệ môi trường, (cơ quan chủ trì nhiệm vụ) có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. (cơ quan chủ trì nhiệm vụ) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ theo đúng nội dung, tiến độ được duyệt và các quy định hiện hành.

Căn cứ vào khối lượng thực hiện và sản phẩm hoàn thành (cơ quan chủ trì nhiệm vụ) thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; (Thủ trưởng cơ quan chủ trì nhiệm vụ) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cơ quan chủ trì nhiệm vụ;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phụ lục

ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
“.....”

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày ... tháng ... năm 20..... của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

(Nội dung chi tiết theo Mẫu số 05 - ĐCDTNV)

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BXD

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 20.....****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG***Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;**Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;**Căn cứ Công văn số /BXD-KHCNMT&VLXD ngày của Bộ Xây dựng về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 20... và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 20... - 20... từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT của Bộ Xây dựng;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 20.....;**Căn cứ.....**Căn cứ Công văn số/.... ngày của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo nội dung chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trung ương năm 20... của các Bộ, ngành.**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 20... của Bộ Xây dựng, chi tiết tại **Phụ lục** kèm theo.

Điều 2. Cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ KHTC (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT&VLXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phụ lục**NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... tháng năm 20... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí đã giao năm 20...	Kinh phí năm 20...	Ghi chú
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
II	Nhiệm vụ mở mới						
	Tổng cộng						

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: ... 20.../HĐNVBVM

Mã số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự số Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-BXD ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ...(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ BVMT).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): BỘ XÂY DỰNG đại diện là

VĂN PHÒNG BỘ XÂY DỰNG

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, máy lẻ:..... Fax:
- Tài khoản:

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Điện thoại:, máy lẻ:.....
- Địa chỉ:

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): ...

- Đại diện: ...
- Chức vụ: ...
- Địa chỉ: ...
- Điện thoại: ... Email: ...
- Số tài khoản: ... tại Kho bạc Nhà nước

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: ...

Hai bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ môi trường

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ "...*Ghi rõ tên nhiệm vụ...*" (sau đây gọi tắt là Nhiệm vụ) theo các nội dung trong đề cương, dự toán nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ trên là:..... tháng.

Từ tháng..... năm 20.....đến thángnăm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ

1. Tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ:..... (Bằng chữ.....), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... (Bằng chữ.....).

- Kinh phí từ nguồn khác (nếu có): (Bằng chữ.....).

Kinh phí phân bổ theo năm: (*trong trường hợp nhiệm vụ thực hiện 2 năm*)

- Năm 20... (Năm thứ nhất): ... đồng (*Bằng chữ:*).

- Năm 20... (Năm thứ hai, nếu có): ... đồng (*Bằng chữ:*).

2. Tiến độ cấp kinh phí: Sau khi ký hợp đồng, Bên A chuyển tạm ứng cho Bên B 50% kinh phí của năm. Phần kinh phí đợt kế tiếp được chuyển sau khi Bên B quyết toán các đợt trước đó (trong trường hợp nhiệm vụ thực hiện trên 12 tháng).

Trong trường hợp Bên B không đề nghị tạm ứng từng đợt, Bên B có thể quyết toán toàn bộ kinh phí được cấp trong năm. Kinh phí đợt cuối Bên A chuyển cho bên B sau khi hai bên nghiệm thu cấp Bộ và và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b. Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

c. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ theo Thuyết minh;

d. Căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ;

e. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Bên B theo các

yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

- g. Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;
- h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;
- b. Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;
- c. Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ theo quy định của Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng và quy định pháp luật liên quan;
- d. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;
- đ. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;
- e. Giao cán bộ kế toán theo dõi tiếp nhận, sử dụng kinh phí Ngân sách cấp đúng mục đích, đúng các quy định, chế độ tài chính hiện hành của nhà nước;
- g. Có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ gốc, sản phẩm của nhiệm vụ... tại cơ quan mình. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ thanh toán cũng như nội dung chuyên môn của sản phẩm;
- h. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;
- i. Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;
- k. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- l. Sau khi được nghiệm thu cấp Bộ và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ, Bên B có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định; việc thanh lý hợp đồng được tiến hành trong thời gian không quá 03 tháng kể từ ngày Hợp đồng hết thời hạn;
- m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã kết thúc và được nghiệm thu, xác nhận hoàn thành nhiệm vụ.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a. Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b. Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a. Nhiệm vụ đã kết thúc được đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên và có xác nhận hoàn thành nhiệm vụ thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này. Việc nghiệm thu cấp Bộ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

b. Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu lần 2 ở mức “Không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với kinh phí đã sử dụng, tùy theo lỗi khách quan hay chủ quan, Bên B có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường không hoàn thành.

2. Đối với Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a. Trường hợp Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b. Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với kinh phí đã sử dụng, tùy theo lỗi khách quan hay chủ quan, Bên B có

trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với Nhiệm vụ không hoàn thành.

4. Đối với Nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

2. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 08 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: ... 20.../HĐNVBVM

Mã số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự số Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-BXD ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ...(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ BVMT).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): BỘ XÂY DỰNG đại diện là

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Đại diện:

- Chức vụ:

- Điện thoại:, máy lẻ:.....

- Địa chỉ:

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): ...

- Đại diện: ...

- Chức vụ: ...

- Địa chỉ: ...

- Điện thoại: ... Email: ...

- Số tài khoản: ... tại Kho bạc Nhà nước

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: ...

Hai bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ môi trường

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ "....*Ghi rõ tên nhiệm vụ....*" (sau đây gọi tắt là Nhiệm vụ) theo các nội dung trong đề cương, dự toán nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ trên là:..... tháng.

Từ tháng..... năm 20.....đến thángnăm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ

1. Tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ là (*Bằng chữ.....*), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... (*Bằng chữ.....*).

- Kinh phí từ nguồn khác (nếu có): (*Bằng chữ.....*).

2. Tiến độ cấp kinh phí:

- Năm 20... (Năm thứ nhất): ... đồng (*Bằng chữ:*).

- Năm 20... (Năm thứ hai): ... đồng (*Bằng chữ:*).

4. Hình thức thanh toán: Theo quy định của Nhà nước.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b. Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

c. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ theo Thuyết minh;

d. Căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ;

e. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

g. Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b. Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c. Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ theo quy định của Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

- d. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;
 - đ. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;
 - e. Giao cán bộ kế toán theo dõi tiếp nhận, sử dụng kinh phí Ngân sách cấp đúng mục đích, đúng các quy định, chế độ tài chính hiện hành của nhà nước;
 - g. Có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ gốc, sản phẩm của nhiệm vụ... tại cơ quan mình. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ thanh toán cũng như nội dung chuyên môn của sản phẩm.
- Đối với các cơ quan chủ trì thuộc khối cơ quan Bộ thì gửi Văn phòng Bộ lưu hồ sơ, chứng từ gốc, sản phẩm các nhiệm vụ (cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ cũng lưu sản phẩm nhiệm vụ).
- h. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;
 - i. Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;
 - k. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - l. Sau khi được nghiệm thu cấp Bộ và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ, Bên B có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định; việc thanh lý hợp đồng được tiến hành trong thời gian không quá 03 tháng kể từ ngày Hợp đồng hết thời hạn;
 - m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã kết thúc và được nghiệm thu, xác nhận hoàn thành nhiệm vụ.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a. Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;
 - b. Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định

của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a. Nhiệm vụ đã kết thúc được đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên và có xác nhận hoàn thành nhiệm vụ thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này. Việc nghiệm thu cấp Bộ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

b. Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu lần 2 ở mức “Không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với kinh phí đã sử dụng, tùy theo lỗi khách quan hay chủ quan, Bên B có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường không hoàn thành.

2. Đối với Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a. Trường hợp Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b. Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với kinh phí đã sử dụng, tùy theo lỗi khách quan hay chủ quan, Bên B có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với Nhiệm vụ không hoàn thành.

4. Đối với Nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

2. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 08 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận báo cáo:**- Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng.**

1	Tên nhiệm vụ:	2	Ngày báo cáo:
	Hợp đồng số:		Kỳ:
3	Cơ quan chủ trì: Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
4	Thời gian thực hiện: tháng, từ đến		
5	Tổng kinh phí thực hiện: ... triệu đồng		
6	Công việc chính đã thực hiện tính từ ngày ... / ... /20... đến kỳ báo cáo <i>(Ghi đầy đủ nội dung và sản phẩm đã đạt được bao gồm báo cáo chuyên đề, thử nghiệm, thí nghiệm... theo đề cương đã được phê duyệt)</i>		
7	Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong thời gian liên quan đến báo cáo)		
8	Kinh phí đã được cấp		
Đợt 1	Thời gian	Số tiền (triệu đồng)	
1	/20...		
Tổng cộng			
9	Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ tính đến kỳ báo cáo (triệu đồng) <i>(Báo cáo theo tiến độ trong Hợp đồng)</i>		
	Tổng kinh phí đã được cấp: triệu đồng Tổng kinh phí đã sử dụng: triệu đồng Số kinh phí đã quyết toán: triệu đồng		
10	Những vấn đề tồn tại cần giải quyết:		

11	Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới:
12	Kết luận và kiến nghị:
Chủ nhiệm nhiệm vụ <i>(Họ, tên và chữ ký)</i>	Thủ trưởng cơ quan chủ trì nhiệm vụ <i>(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)</i>

**BỘ XÂY DỰNG
VỤ ĐẦU MỐI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP KIỂM TRA TIẾN ĐỘ, TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BVMT DO ... CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**

A. Thông tin chung

Tên nhiệm vụ:

Theo Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán

Hợp đồng số: ... /.....

Thời gian thực hiện:

1. Địa điểm và thời gian họp:

- Địa điểm:

- Thời gian:

2. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên: .../... (trích dẫn theo Quyết định kiểm tra hoặc văn bản thông báo kiểm tra tiến độ,...).

Thành viên tham dự:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

B. Nội dung cuộc họp:

1. Về các sản phẩm (các sản phẩm, nội dung, chuyên đề đã đạt được, tiến độ thực hiện các nội dung, ...):

.....

2. Về tình hình sử dụng kinh phí:

Kinh phí đã được cấp:

Kinh phí đã giải ngân:

Kinh phí chưa giải ngân:

Số kinh phí đã quyết toán:

Các ý kiến về hồ sơ thanh, quyết toán:.....

3. Các vướng mắc, khó khăn và đề xuất của cơ quan chủ trì thực hiện:

.....

4. Kế hoạch thực hiện các nội dung còn lại (bao gồm kế hoạch thực hiện các nội dung và tổ chức hội đồng nghiệm thu):

.....

.....

C. Kết luận:

Trên cơ sở các ý kiến đánh giá và góp ý của các thành viên tham dự, Trưởng đoàn kiểm tra kết luận:

.....

.....

.....

(Ghi rõ việc đạt tiến độ hay không đạt tiến độ, khả năng thực thi nhiệm vụ, tiếp tục cấp phát kinh phí hoặc dừng cấp, nếu rõ lý do, ...)

Biên bản được lập xong lúcgiờ, ngày ... tháng ... năm 20... và đã được các thành viên nhất trí thông qua. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau./.

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
LÃNH ĐẠO VỤ ĐẦU MỐI**
(ký và ghi rõ họ, tên)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ PHỐI HỢP HOẶC
CHUYÊN GIA (nếu có)**
(ký và ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(ký và đóng dấu)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(ký và ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Công văn số . ngày / /20... của cơ quan chủ trì nhiệm vụ)

1. Tên nhiệm vụ:
2. Cơ quan chủ trì:
3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
4. Đề xuất thay đổi, điều chỉnh nội dung thực hiện nhiệm vụ:

STT	Nội dung cũ			Nội dung mới		
	Nội dung	Tiến độ	Kinh phí	Nội dung	Tiến độ	Kinh phí
1						
2						
....						

5. Giải trình rõ lý thay đổi, điều chỉnh nội dung thực hiện nhiệm vụ:

.....

Ngày tháng năm...
Cơ quan chủ trì
 (Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm...
Chủ nhiệm nhiệm vụ
 (Họ tên và chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ)

BÁO CÁO TỔNG KẾT
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Tên nhiệm vụ:.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

Cơ quan chủ trì
(Ký tên và đóng dấu)

....., năm 20....

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ
bảo vệ môi trường “.....”****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngàytháng năm của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường

Căn cứ

Xét đề nghị của(tên cơ quan chủ trì)..... tại văn bản số ngày... tháng... năm 20.... đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ “tên nhiệm vụ” năm 20..... do(tên cơ quan chủ trì) thực hiện bao gồm các thành viên có tên tại **Phụ lục** kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm xem xét, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường nêu trên.

Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung báo cáo và các sản phẩm để Hội đồng làm việc có kết quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng,(Thủ trưởng cơ quan chủ trì).... và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG “.....” NĂM**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BXD ngày tháng năm 20.... của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Họ tên	Học hàm, học vị	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh
1				Chủ tịch Hội đồng
2				Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)
3				Ủy viên thư ký
4				Ủy viên phản biện
5				Ủy viên phản biện
6				Ủy viên
7				Ủy viên
...				Ủy viên

**BỘ XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG CẤP BỘ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

**BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CẤP BỘ**

Ủy viên phản biện: ☐

Ủy viên: ☐

I. Thông tin chung:

Tên nhiệm vụ:

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

II. Ý kiến nhận xét của thành viên Hội đồng:

Họ và tên:

Ngày nhận hồ sơ: ngày ... tháng ... năm 20.....

1. Nhận xét, đánh giá:

1.1. Về báo cáo tổng kết nhiệm vụ:

(Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, logic của báo cáo tổng kết; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp thực hiện, kỹ thuật sử dụng; tác động, hiệu quả thực hiện nhiệm vụv.v. Để kết luận, thành viên Hội đồng chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu)

1.2. Về kết quả, số lượng các sản phẩm so với Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ BVMT:

(Thành viên Hội đồng cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại, số lượng sản phẩm so với Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ BVMT/Hợp đồng đã ký kết; đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)

1.3. Về tiến độ thực hiện:

(Thành viên Hội đồng căn cứ thời điểm kết thúc nhiệm vụ được phê duyệt/Hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu để nhận xét).

2. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Đạt ☐

Lý do cụ thể:

.....
.....

Không đạt ☐

Lý do cụ thể (cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ BVMT/Hợp đồng đã ký kết).

.....

.....

3. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết:

.....

.....

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

BỘ XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG CẤP BỘ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thông tin chung:

Tên nhiệm vụ: ...

Cơ quan chủ trì: ...

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ...

2. Quyết định thành lập Hội đồng: số .../QĐ-BXD ngày .../.../20.. của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Điểm đánh giá:

- Số lượng của các sản phẩm:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 điểm
- Chất lượng của các sản phẩm:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 điểm
- Tiến độ thực hiện:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 điểm
- Mức độ hoàn thành mục tiêu:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 điểm

Tổng điểm:

4. Kiến nghị:

- Không cần họp lại Hội đồng:
- Cần họp lại Hội đồng để xét thêm:

☐
☐

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Thành viên Hội đồng
(ký và ghi rõ họ, tên)

Thư ký Hội đồng
(ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Dưới 20 điểm: **Không đạt**

Từ 20 điểm đến dưới 26 điểm: **Đạt** - Xếp loại trung bình

Từ 26 điểm đến dưới 35 điểm: **Đạt** - Xếp loại khá

Từ 35 điểm đến 40 điểm: **Đạt** - Xếp loại xuất sắc (Khi cơ quan chủ trì nộp đúng hạn hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ).

**BỘ XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG CẤP BỘ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-HĐNTCB

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

**HỌP HỘI ĐỒNG CẤP BỘ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

I. Thời gian và địa điểm họp

1. Thời gian họp:
2. Địa điểm họp:

II. Thành phần tham dự họp

1. Thành viên Hội đồng theo Quyết định số ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
 - Chủ tịch Hội đồng: ...
 - Thư ký Hội đồng: ...
 - Thành viên Hội đồng: có mặt .../... đủ điều kiện tổ chức hội đồng (Vắng mặt: ... nếu có).
2. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ và chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

III. Nội dung họp

1. Ông/Bà ..., Thư ký Hội đồng đọc Quyết định số/QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường “....”
2. Ông/Bà ..., Chủ tịch Hội đồng khai mạc, tóm tắt quá trình thực hiện nhiệm vụ và thông qua chương trình làm việc của Hội đồng.
3. Ông/Bà ..., Đại diện cơ quan chủ trì thực hiện báo cáo/Chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo tóm tắt nội dung nhiệm vụ (có bản báo cáo chi tiết kèm theo).
4. Ủy viên phản biện ... đọc bản nhận xét đánh giá kết quả nhiệm vụ.
5. Ủy viên phản biện ... đọc bản nhận xét đánh giá kết quả nhiệm vụ.
6. Phần thảo luận:

Ngoài ý kiến của các Ủy viên phản biện, các thành viên Hội đồng tập trung thảo luận về:.....

.....

III. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng

Trên cơ sở các ý kiến của Ủy viên phản biện và thảo luận của Hội đồng, Ông/Bà ... - Chủ tịch Hội đồng kết luận:

1. ...

2. ...

.....

n. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cần hoàn thiện các sản phẩm theo ý kiến góp ý của Ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng.

.....

Các sản phẩm của nhiệm vụ bao gồm: bộ sản phẩm sau hoàn thiện; bản tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng; ... USB sao lưu toàn bộ sản phẩm.

Đề nghị cơ quan chủ trì chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện các sản phẩm nhiệm vụ theo các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng và kết luận của Hội đồng, giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng và nộp về Bộ Xây dựng (qua Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) trước ngày ... tháng ... năm 20....

IV. Kết quả đánh giá:

- Số phiếu phát ra:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu đề nghị họp lại:
- Tổng số điểm: ... **điểm**
- Điểm trung bình: ... **điểm**
- Nhiệm vụ đạt loại: ...

Cuộc họp kết thúc hồih..... ngày tháng năm 20... Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau./.

Thư ký Hội đồng
(ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(ký và ghi rõ họ tên)

*Mẫu số 22- XNHTNV***BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BXD-KHCNMT&VLXD

Hà Nội, ngày tháng năm....

V/v xác nhận hoàn thành
nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Kính gửi: Cơ quan chủ trì nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh đề cương dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường...;

Căn cứ Báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại văn bản của ... cơ quan chủ trì kèm theo sản phẩm hoặc Văn bản số ... ngày ... của Bộ Xây dựng thông báo kết quả nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường ... ;

Xét văn bản số ...ngày... của ... (cơ quan chủ trì) kèm theo hồ sơ, sản phẩm của nhiệm vụ bảo vệ môi trường...;

Sau khi kiểm tra kết quả thực hiện, Bộ Xây dựng xác nhận cơ quan chủ trì đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ môi trường được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng ... (để b/c);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

TL. BỘ TRƯỞNG
LÃNH ĐẠO VỤ KHCNMT&VLXD
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 Số:/BBTL

Căn cứ Bộ luật dân sự số Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BXD ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Hợp đồng số:ngày.....

Căn cứ (Ghi các biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ, ...).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên A: BỘ XÂY DỰNG đại diện là

VĂN PHÒNG BỘ XÂY DỰNG (Trường hợp ký Hợp đồng qua Văn phòng Bộ)

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, máy lẻ.... - Fax:
- Tài khoản: tại

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Điện thoại: máy lẻ
- Địa chỉ:

2. Bên B: (Ghi tên cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ)

- Đại diện: ...
- Chức vụ: ...
- Địa chỉ: ...
- Điện thoại: ... Email: ...
- Số tài khoản: ... tại Kho bạc Nhà nước

Hai bên cùng thoả thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng..... số.....ngày(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) về việc thực hiện nhiệm vụ BVMT (sau đây gọi tắt là Nhiệm vụ) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường “... Ghi rõ tên nhiệm vụ...” theo các nội dung trong Đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ được Bên A phê duyệt.

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ là ... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng ... năm 20...

2. Bên A đã tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ ngày tháng năm 20....(Kèm theo Bản sao Biên bản nghiệm thu). Nhiệm vụ được Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu, đánh giá đạt loại “...”.

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các sản phẩm, báo cáo nêu trong Đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số (Kèm theo Danh mục liệt kê sản phẩm):

+.....

+.....

4. Bên A giao cho bên B lưu giữ các kết quả khác của nhiệm vụ (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,...) (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết)

+.....

+.....

5. Bên B đã được Bộ Xây dựng xác nhận hoàn thành nhiệm vụ tại Công văn số /BXD-KHXNMT&VLXD ngày

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường “.....”, theo các nội dung trong Đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ được Bên A phê duyệt và.... (ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ là ... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng ... năm 20...

2. Nhiệm vụ “....” được xác nhận là không hoàn thành (Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Nhiệm vụ hoặc Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Nhiệm vụ (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,...) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).

Điều 2. Xử lý tài chính của nhiệm vụ

Đối với Nhiệm vụ hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Nhiệm vụ là:.....triệu đồng (Bằng chữ:);

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:..... triệu đồng (Bằng chữ:).

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Nhiệm vụ là: triệu đồng (Bằng chữ:);

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là: triệu đồng (*Bằng chữ:*);

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:..... triệu đồng (*Bằng chữ:*).

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:.... triệu đồng (*Bằng chữ:*).

Đến nay, Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước (*Kèm theo tài liệu xác nhận*).

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

*(Chữ ký, ghi rõ họ và tên
và đóng dấu)*

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

*(Chữ ký, ghi rõ họ và tên
và đóng dấu – nếu có)*

Mẫu số 24 - BCQTTC

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOÀN THÀNH

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:

.....

2. Cơ quan chủ trì thực hiện:

Địa chỉ: Điện thoại:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường: số......./.....

- Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian gia hạn hợp đồng (nếu có):.....

- Giá trị hợp đồng: Trong đó:

+ Nguồn NSNN cấp:

+ Nguồn khác:

II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NHIỆM VỤ

1. Kinh phí được cấp:

- Kinh phí được phê duyệt: đồng

- Kinh phí được bổ sung (nếu có): đồng

- Kinh phí được sử dụng: đồng

- Kinh phí thực nhận: đồng

2. Kinh phí đã sử dụng: đồng

3. Báo cáo chi tiết việc sử dụng kinh phí của nhiệm vụ

(Có Bảng PL.... kèm theo).

4. Kinh phí đề nghị quyết toán: đồng

(Bằng chữ:)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

.....

.....

....., ngày tháng năm 20.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Ký, họ tên)

Cơ quan chủ trì
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán đơn vị
(Ký, họ tên)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOÀN THÀNH

1. Tên nhiệm vụ:
2. Cơ quan chủ trì thực hiện:
3. Chi tiết sử dụng kinh phí nhiệm vụ:

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán được duyệt		Tình hình sử dụng kinh phí đề nghị quyết toán				Chênh lệch Dự toán - Thực chi (số lũy kế)
		Dự toán theo Hợp đồng	Dự toán theo Hợp đồng điều chỉnh (nếu có)	Chi năm 20.....	Chi năm 20.....	Chi năm 20.....	Lũy kế chi từ khi khởi đầu	
A	B	C	D	E	F	G	$H = E + F + G$	$I = H - D$
...								
	TỔNG CỘNG							

4. Kinh phí đề nghị quyết toán: đồng
(Bằng chữ:)

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Ký, họ tên)

., ngày tháng năm 20.....
Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán đơn vị
(Ký, họ tên)